



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02365

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                              |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : So-Mate P                                                                                                  |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 3.680 bao/ 92.000 kg                                                                                       |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Shandong Asia-Pacific Highvarve Organisms<br>Science and Technology Co., Ltd, China.                       |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                              |
| Hợp đồng số                       | : HAIHUA20251825P ngày 30/4/2025                                                                             |
| Hóa đơn số                        | : HAIHUA20251825P ngày 10/5/2025                                                                             |
| Vận đơn số                        | : OOLU2037742990                                                                                             |
| Ngày sản xuất                     | : 10/5/2025                                                                                                  |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : 3901/HQ-GDK-TTKN ngày 03/6/2025<br>(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250035912)                                       |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH TM SX ME NON</b><br>Địa chỉ: 784 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5,<br>Thành phố Hồ Chí Minh. |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-<br>BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và<br>Công nghệ)     |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT                                                                                  |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                   |

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1045 /QĐ-TTKN  
Ngày 12 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yến**



**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/<br>ngày mã hoá                                   | Mã<br>mẫu        | Quy chuẩn áp<br>dụng                            | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu<br>phân tích |                                                            | Ghi chú                |
|----------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------|
|                                                                |                  |                                                 | Tên sản<br>phẩm                     | Chỉ tiêu phân<br>tích                                      |                        |
| Công ty TNHH<br>Thương mại sản<br>xuất Me non<br><br>06/6/2025 | 0625043/<br>HQV2 | Mục 2.4 bảng 5<br>QCVN 02-31-<br>2:2019/BNNPTNT | So-Mate P                           | As vô cơ (mg/kg)<br>Pb (mg/kg)<br>Cd (mg/kg)<br>Hg (mg/kg) | BNNPTNT29250<br>035912 |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu,  
01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện    | Đơn vị               | Thời gian ( ghi<br>rõ.... giờ,<br>ngày.../.../... | Phòng thí<br>nghiệm được<br>lựa chọn | Ghi chú |
|--------------------|----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế<br>Linh | Trung tâm Vùng<br>II | 15h30 ngày<br>06/6/2025                           | ASTAC                                |         |

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
ANALYTICAL REPORT  
Số/No.: 6374/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 18602506381

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/06/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 09/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625043/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | <0,9               | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 15,47              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | 0,19               | EN 16277:2012                   |

Cần Thơ, ngày/date: 11/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



## Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.